

TUẦN 4*Thứ Hai ngày 23 tháng 9 năm 2024***HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM****SINH HOẠT DƯỚI CỜ : TÌM HIỂU AN TOÀN TRƯỜNG HỌC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết một số quy tắc an toàn khi tham gia giao thông.
- Có ý thức chấp hành đúng và tham gia giao thông an toàn, đặc biệt ở cổng trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- GV: Bài hát Quốc ca, Đội ca.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’).**

- + Ổn định tổ chức.
- + Chinh đồn trang phục.
- + Đúng nghiêm trang.

2. Hoạt động Hoạt động chào cờ (8 – 10’)

- + GV cùng HS thực hiện nghi lễ: chào cờ, hát Quốc ca, Đội ca.
- + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường, của lớp.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (15- 17’)

- * Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.
- * Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, giá trị sống.
- GV triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”, trong đó có thể thực hiện một chủ đề có liên quan đến việc đảm bảo an toàn ở trường như “Cổng trường an toàn giao thông” (có thể mời một cảnh sát giao thông hướng dẫn cho HS).
- Giới thiệu cho HS biết ý nghĩa của việc tham gia thực hiện “Cổng trường an toàn giao thông”: đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm(2– 3’)

- Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”: xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về; để xe đúng quy định theo hàng, lối; đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện, nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS.)
- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾT 2+3: TIẾNG VIỆT**BÀI 16: I i K k (Tiết 37, 38)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS nhận biết và đọc đúng các âm *i, k*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 95% HS viết đúng chữ *i, k* và các tiếng, từ có chữ *i, k*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *i, k*.
- Phát triển kỹ năng nói lời giới thiệu, làm quen.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- Cho HS thi đọc nối tiếp các từ của bài ôn trong SHS.
- HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương học sinh.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30’)**a. Nhận biết**

- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm 2 theo nội dung câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?
- Mời đại diện trình bày.

-
- GV chốt ý và nêu câu: *Nam vẽ kì đà.*

- GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.

- Y/c HS lặp lại cả câu.

- GV chỉ và đọc các tiếng Nam, vẽ, kì, đà. Các tiếng này chứa chữ *i, k* âm *i, k* (được tô màu đỏ).

Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm *i, k*

-
- GV viết/ trình chiếu chữ ghi âm *i I k K* lên bảng. G/t chữ ghi âm *i I k K*

b. Luyện đọc:*** Đọc âm:**

- GV đưa chữ *i* và giới thiệu để HS nhận biết chữ *i*. GV đọc mẫu.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- HS tìm trong bộ đồ dùng chữ *i* ghép vào bảng cài, sau đó đọc CN.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cho học sinh.
- GV đưa mẫu chữ *k*, giới thiệu, đọc mẫu chữ.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- HS ghép chữ *k* vào bảng cài, đọc cá nhân, đồng thanh.
- HS nhận xét, GV nhận xét.

* Đọc tiếng:

- Đọc tiếng mẫu

+ GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu:

k	i
ki	

k	i
ki	

- + Cho HS phân tích mô hình tiếng, sau đó đánh vần và đọc trơn từng tiếng.
(*ki - i - ki*) *ki* ; (*ki - i - ki - huyền - kì*) *kì* ;
- + HS nhận xét bạn đọc.
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + GV viết bảng các tiếng *kí, kĩ, kỳ* yêu cầu HS tìm ra điểm chung của các tiếng.
 - + HS trả lời, sau đó đánh vần tiếng.
 - + HS đọc trơn các tiếng vừa đánh vần.
 - + GV lần lượt viết bảng : *kẽ, kẻ, kệ*
 - + HS tìm điểm chung của các tiếng, sau đó đánh vần và đọc trơn các tiếng.
 - + HS đọc lại tất cả các tiếng trên bảng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tìm các chữ và dấu thanh đã học, ghép thành các tiếng mới.
 - + HS đọc cá nhân, đồng thanh.
 - + HS nhận xét, GV nhận xét.

* Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *bí đỏ, kẻ ô, đi đò, kì đà*. Sau khi đưa tranh GV hỏi “quả gì”
- HS trả lời, GV kết hợp ghi bảng *bí đỏ*.
- HS tìm tiếng có chứa *i*, đánh vần tiếng *bí*, đọc trơn từ *bí đỏ*.
- GV tiến hành tương tự với *kẻ ô, đi đò, kì đà*.
- HS đọc lại các từ ngữ trên bảng.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.

* Đọc lại các tiếng, từ ngữ

* Đọc câu ứng dụng

- HS đọc thầm câu *Kì đà bò ở kè đá* (trang 25 SHS), tìm tiếng có chữ *i, k*.
- HS đánh vần tiếng có âm *i, k*, sau đó đọc trơn tiếng.

- Cho HS đọc trơn cả câu.
- GV đọc lại câu, gọi vài HS đọc cá nhân, lớp đọc đồng thanh.
- GV hỏi HS: Kì đà bò ở đâu ?
- HS trả lời, các HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, chốt lại câu trả lời : *Tắc kè bò ở kẽ đá.*

TIẾT 2:

1. Hoạt động Khởi động (2 – 3')

- Vận động theo nhạc.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

a. Viết bảng

. Viết chữ *i*:

- GV treo bảng phụ đã viết sẵn chữ *i* HS quan sát.
- GV giới thiệu cấu tạo *i*, HS lắng nghe.
- GV viết mẫu trên bảng lớp, vừa viết vừa nêu quy trình, HS vừa theo dõi.
- HS tập viết nét trên không để định hình cách viết.
- HS viết chữ *i* thường (cỡ vừa) vào bảng con, GV theo dõi, hỗ trợ HS khi viết.
- HS nhận xét chữ viết của bạn.
- GV nhận xét, chỉnh sửa chữ viết của HS.

. Viết chữ *k*.

- GV viết mẫu *k*, vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết. HS viết bảng con.
- HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét.
- HS viết *k* vào bảng. GV quan sát, nhắc nhở HS lưu ý khoảng cách giữa chữ *b* và *o*, cách đặt dấu huyền trên *o*.
- HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

. Viết từ ngữ

- Yêu cầu HS đọc từ ứng dụng cần viết *kì đà*.
- GV nhận xét, viết mẫu *cỏ* kết hợp hướng dẫn quy trình viết.
- Cho HS viết vào bảng con – HS nhận xét.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

b. Viết vở

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ *i*, *k*, từ: *kì đà* vào vở Tập viết 1, tập một.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- Gọi HS nhận xét bài viết của bạn.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS

c. Luyện nói theo tranh

- HS quan sát tranh phần Nói (SHS trang 35), lần lượt trả lời câu hỏi:
 - + Các em nhìn thấy những gì trong các bức tranh ?
 - + Những người ấy đang ở đâu ?
 - + Họ đang làm gì ?

- HS nhận xét câu trả lời của bạn.
- GV nhận xét, chốt lại : *tranh vẽ Nam và một bạn nam khác đang nói chuyện, làm quen với nhau ở hành lang giữa hai lớp học.*
- HS chia nhóm đôi đóng vai: 1 bạn đóng vai Nam, 1 HS đóng vai bạn còn lại. Bạn hỏi VD(Bạn tên là gì? Bạn học lớp nào ? Bạn bao nhiêu tuổi ?...). Bạn đóng vai Nam trả lời (tự giới thiệu bản thân mình).
- Đại diện vài nhóm đóng vai. HS nhận xét.
- GV nhận xét, khen những em tự tin khi giới thiệu về bản thân mình.
- Y/c HS đọc lại toàn bài ở SGK.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 – 5')

- GV cho HS đọc lại toàn bài, tìm từ ngữ có chứa âm *i, k* và đặt câu với từ ngữ đó.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Dặn HS ôn lại bài, thực hành giao tiếp chào hỏi ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

ĐỌC SÁCH

HEO CON HAM NGHỊCH ĐIỆN THOẠI (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nghe đọc, hiểu nội dung và thưởng thức câu chuyện; mở rộng kiến thức qua câu chuyện kể về các con vật gần gũi, quen thuộc hàng ngày.
- Giúp HS nhớ lại các hình đã học, phát triển sự sáng tạo, kỹ năng phân tích.
- Ham thích đọc sách, phát triển thói quen đọc sách. Yêu thích những bạn có tính mạnh dạn, tự tin.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Sách truyện

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Vận động theo nhạc.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

*. Trước khi đọc:

- Cho xem tranh bìa và hỏi:

- + Quan sát tranh em thấy gì?
- + Bạn Heo con đang làm gì?
- + Dựa vào hình ảnh minh họa trong tranh em đoán xem hôm nay chúng ta sẽ cùng đọc câu chuyện gì?
- GV giới thiệu tên truyện.

***. Trong khi đọc:**

- GV vừa đọc vừa mở tranh cho HS vừa xem tranh vừa nghe. Trong lúc đọc có đặt câu hỏi phỏng đoán cho HS:
- + Trang 3: Các em đoán xem khi ăn cơm heo con vẫn cầm điện thoại chuyện gì sẽ xảy ra?
- + Trang 5: Đến giờ đi ngủ nhưng Heo con không ngủ mà vẫn xem điện thoại, chuyện gì sẽ xảy ra với Heo con?

3.Hoạt động Luyện tập, thực hành (13 – 15’)

*** Sau khi đọc:**

- GV đặt câu hỏi để kiểm tra việc hiểu ND:
- + Cô vừa đọc câu chuyện gì?
- + Câu chuyện có mấy nhân vật? kể tên.
- + Bạn Heo con đã làm gì?
- + Heo con xem điện thoại như thế nào?
- + Hậu quả của việc heo con xem điện thoại quá nhiều như thế nào?
- + Qua câu chuyện, em học được điều gì?
- Nhận xét, giáo dục HS.

*** Hoạt động mở rộng:**

- Chia 6 nhóm và yêu cầu:

Nhóm 1,2: Hỏi nhau về nội dung câu chuyện

Nhóm 3,4: Vẽ tranh nhân vật hoặc chi tiết em thích nhất, giải thích vì sao?

Nhóm 5,6: Sắm vai kể lại 1 đoạn.

- GV theo dõi gợi ý, giúp từng nhóm làm việc

- Mời các nhóm trình bày, cho HS nhận xét
- GV nhận xét chung, tuyên dương HS.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

* Giới thiệu sách:

- Cho xem tờ bìa, hỏi: Tranh vẽ gì?
- Chốt lại nội dung
- Mở tiếp 1 trang trong câu chuyện, hỏi Tranh vẽ những gì?
- Liên hệ tranh nêu những câu hỏi đóng để thu hút sự tò mò của HS về tình tiết trong câu chuyện và giới thiệu các em tìm đọc trong thư viện trường.
- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TOÁN

SO SÁNH SỐ. LỚN HƠN, DẤU >

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 95% hs nhận biết được các dấu $>$, $<$, $=$
- Sử dụng được các dấu khi $>$, $<$, $=$ khi so sánh hai số
- Nhận biết được cách so sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi 10(ở các nhóm có không quá 4 số)
- Sắp xếp được các số trong phạm vi 10 theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.
- Biết tìm ra nhóm sự vật có số lượng nhiều nhất

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: File bài giảng. Bộ đồ dùng dạy Toán.
2. Học sinh: Bộ đồ dùng Toán 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Tổ chức trò chơi xem ai nhanh mắt hơn tìm những vật nhiều hơn
- Nhận xét, nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')

a. Khám phá

- GV có thể dẫn dắt vào bài bằng câu nói vui “Đố các em con vịt kêu thế nào?”.
- Sau đó nói: “Hôm nay chúng ta sẽ học cách so sánh số lớn hơn với những chú vịt nhé!”.

- Tiếp đó, GV cho HS đếm số vịt ở hình bên trái và hình bên phải để giải thích về con số ở cạnh mỗi hình.

- Tiếp theo, GV yêu cầu HS so sánh số vịt ở hai bên của hình vẽ (dùng cách ghép "tương ứng 1 1").

- GV có thể kết luận: “Số vịt ở phía bên này (chỉ vào nhóm có 4 con vịt) nhiều hơn số vịt ở phía bên kia, Bên này có 4 con vịt, bên kia có 3 con vịt, Như vậy 4 lớn hơn 3..

- Sau đó, GV hướng dẫn các em viết phép so sánh: $4 > 3$ vào vở.

- Minh họa thứ hai bằng quả dưa cũng dẫn dắt tương tự.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (12 – 13’)

GV yêu cầu HS làm BT trong VTH Toán trang 18, 19 kết hợp chấm chữa bài cho HS.

Bài 1: Tập viết dấu >

- GV nêu yêu cầu của bài.

- HD HS viết dấu > vào vở

- GV cho HS viết bài

Bài 2: Viết dấu > vào ô trống

- GV nêu yêu cầu của bài.

- GV hướng dẫn lần lượt cách thức để tìm ra đáp án đúng

- Gv nhận xét , kết luận

Bài 3: Nói (theo mẫu)

- Nêu yêu cầu bài tập

- HD HS đếm số sự vật có trong hình:

H1: Kiến; H2: Cây; H3: Cò; H4: Khỉ và hươu cao cổ

- Yêu cầu HS nêu số con trong ô vuông rồi nêu dấu lớn hơn .

GV nhận xét, kết luận

Bài 4: So sánh (theo mẫu)

- Nêu yêu cầu bài tập

- HD HS tìm đường đi bằng bút chì

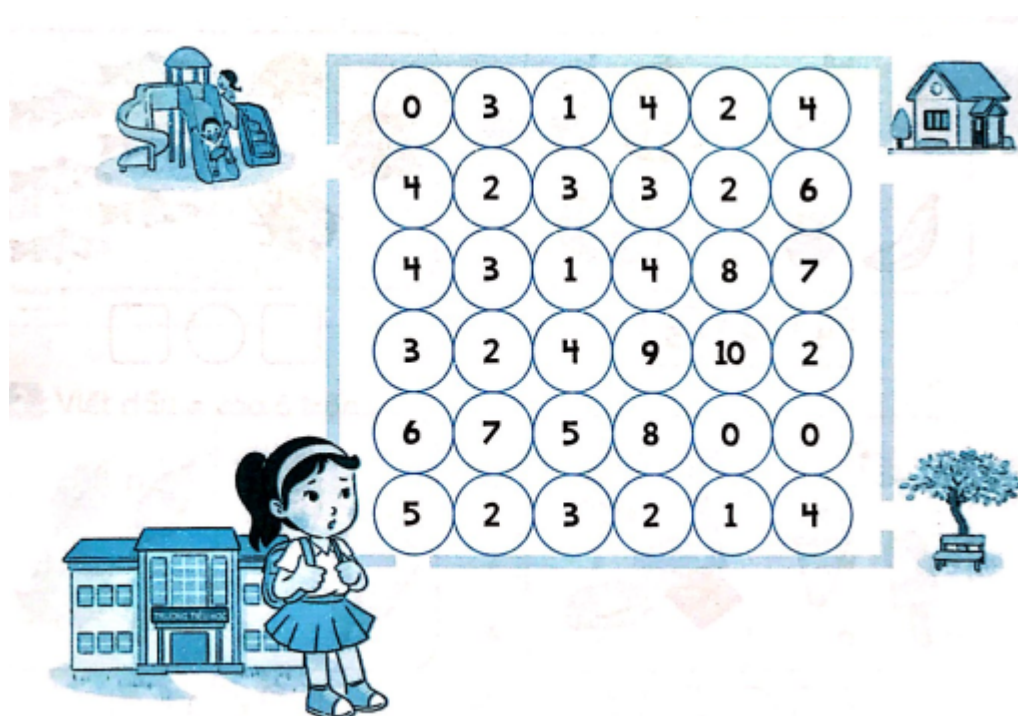
- GV theo dõi hướng dẫn HS thực hiện

GV nhận xét, kết luận

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7’)

Trò chơi: Ai nhanh hơn

- Tô màu các ô có số lớn hơn 4 để giúp bạn Mai tìm đường về nhà.



- Nhận xét.
- GV tổng kết bài học.
- Nhận xét, dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY *(Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)*

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

LUYỆN ĐỌC: I i K k

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 95% HS nhận biết được chữ và âm **i, k**
- 90% HS đọc thành thạo âm **i, k** và các tiếng, từ chứa âm **i, k**.
- HS tìm được tiếng chứa âm và đặt câu với tiếng chứa âm đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng, phiếu bài tập, bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS đọc âm **i, k**.
- 2, 3 HS lên bảng viết **i, k** cả lớp viết bảng con.
- GV nhận xét.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

a. Nhận diện âm

- GV viết bảng âm **i, k**.
- HS phân tích âm.

b. Nhận diện âm và phát âm.

GV: LƯU THỊ THÙY

- GV phát âm mẫu. Sau đó, hướng dẫn HS phát âm theo lớp, dãy bàn, cá nhân.

c. Hướng dẫn viết chữ trên bảng con.

- GV viết mẫu lên bảng lớp âm **i, k** theo khung ô li được phóng to. Vừa viết, GV vừa hướng dẫn quy trình (nét bắt đầu và kết thúc).
- HS tìm nhanh âm **i, k** trong Bộ chữ học vần thực hành Tiếng Việt.
- HS tập viết trên không trung bằng ngón trỏ rồi viết trên bảng con.
- GV uốn nắn, nhận xét và lưu ý HS các đặc điểm của âm **i, k**.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- HS tìm tiếng chứa âm **i, k**. Đặt câu chứa âm **i, k** vừa tìm được.
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ**ÔN LUYỆN I i K k****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS biết và đọc đúng âm **i, k**.
- 100% HS viết đúng chữ **i, k**.
- Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.
- Phát triển kỹ năng quan sát nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua các tình huống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Vận động theo nhạc.
- HS viết bảng con chữ **i, k**
- GV nhận xét, tuyên dương.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

- GV yêu cầu HS mở vở BT Tiếng Việt trang 13

Bài 1: Nói

- GV nêu yêu cầu bài tập.
- GV hướng dẫn: Các em hãy nói bức tranh với tiếng là tên các đồ vật trong tranh cho sẵn trong vở.
- HS làm BT trong vở bài tập.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài 2: Điền i hoặc k

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV hướng dẫn HS làm bài.
- HS đọc các từ.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Khoanh vào chữ viết đúng.

- a. Kì đà bò ở kè / cè đá.
- b. Bà đi / đề dò.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- Nêu lại quy tắc chính tả âm k.
- HS đọc viết lại chữ “k” vào bảng con.
- Nhận xét, tuyên dương HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

Thứ Ba, ngày 24 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT**BÀI 2: H h L l (Tiết 39, 40)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS nhận biết và đọc đúng các âm **h, l**; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm **h, l**; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 95% HS viết đúng chữ **h, l** và các tiếng, từ có chữ **h, l**.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm **h, l** có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa trong SHS(trang 36, 37).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng, bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt, chữ mẫu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Vận động theo nhạc.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30')**a. Nhận biết âm**

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: *Quan sát tranh em thấy những gì?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV đọc câu nhận biết dưới tranh và HS đọc theo.
- GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: **Le le bơi trên hồ**. GV giúp HS nhận biết tiếng có âm **h, l** và giới thiệu chữ ghi âm **h, l**.

b. Luyện đọc

* Đọc âm

- GV đưa chữ **h, l** lên bảng để giúp HS nhận biết chữ **h, l** trong bài học.
- GV đọc mẫu âm **h, l**
- HS đọc.

*** Đọc tiếng****- Đọc tiếng mẫu**

- + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu : **he ho hồ li lọ lờ.**
- + HS đánh vần tiếng mẫu **he**. Cả lớp đồng thanh đọc
- + Một số (4-5) HS đọc trơn. Ghép chữ cái tạo tiếng.
- + HS tự tạo các tiếng có chứa b tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.
- + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

*** Đọc từ ngữ**

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: **lá đỏ, bờ hồ, cá hổ, le le.**
- Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn **lá đỏ**, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.
- GV cho từ **lá đỏ** xuất hiện dưới tranh.
- HS phân tích và đánh vần tiếng, đọc trơn từ **lá đỏ**.
- GV thực hiện các bước tương tự đối với **bờ hồ, cá hổ, le le.**
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3, 4 lượt HS đọc.
- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

*** Đọc lại tiếng và từ ngữ***** Đọc câu ứng dụng**

- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ gì?
- GV đọc câu ứng dụng: **Bé bị ho. Bà đã có lá he.**
- HS tìm tiếng, từ chứa tiếng có âm **h, l**.
- GV nhận xét, khen thưởng HS.

TIẾT 2**1. Hoạt động Khởi động (2 – 3')**

- GV tổ chức cho HS nhảy dân vũ Chicken dance.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 – 27')**a. Viết bảng**

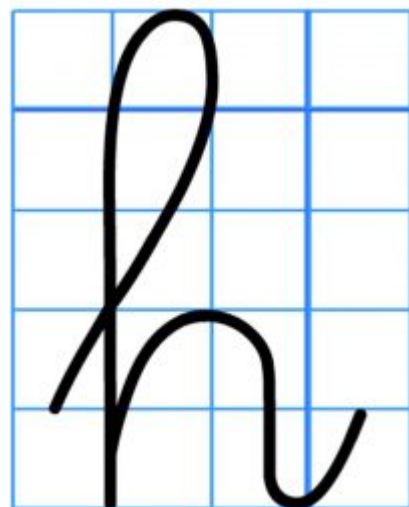
- GV đưa mẫu chữ **h** và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu và nêu cách viết chữ **h**.

- **Cấu tạo:** Chữ b cao 5 ly, rộng 2,5 ly. Gồm nét khuyết trên nối liền với nét móc hai đầu.

- **Cách viết:**

+ **Nét khuyết trên:** Điểm đặt bút trên đường kẻ ngang 2 và ở giữa 2 đường kẻ dọc 1 và 2. Đưa bút lượn lên phía trên và lượn cong sang trái sát đường kẻ ngang 6 rồi kéo thẳng xuống (trùng với đường kẻ dọc 2) tới gần tới đường kẻ ngang 1

+ **Nét móc hai đầu:** Từ điểm dừng bút của nét 1 ta lia bút lên đến đường kẻ ngang 2 viết nét lượn lên chạm đường kẻ ngang 3, sau đó viết nét lượn xuống vào giữa hai đường kẻ chạm đường kẻ ngang 1. Đưa bút viết nét móc, điểm dừng bút chạm đường kẻ ngang 2.



- HS viết chữ **h, l, hồ, le le** (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ, giữa chữ **h** và chữ **ô**, khoảng cách giữa các chữ; vị trí dấu huyền và khoảng cách giữa dấu huyền với **hồ** khi viết **hồ**.

- HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.

- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS.

b. Viết vở tập viết

- GV hướng dẫn HS tô và viết chữ **b** vào vở Tập viết 1, tập một.

- GV nhắc nhở tư thế ngồi viết, cách cầm bút cho HS.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng.

- GV nhận xét, kết hợp chấm chữa bài cho HS.

c. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt câu hỏi :

+ Các em nhìn thấy những cây gì trong bức tranh ?

+ HS nêu những gì mình nhìn thấy. HS khác nhận xét.

- Cho HS nêu ích lợi của các loại cây trong tranh và một vài loại cây mà em biết.

- HS nêu, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nêu: *cây xanh cho chúng ta quả để ăn, gỗ để làm nhà, cho bóng mát, giữ gìn môi trường trong sạch, làm thuốc chữa bệnh.* Cây xanh có ích lợi như thế nên chúng ta cần phải chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 – 5')

- HS tìm một số từ ngữ có chứa âm **h, l** và đặt câu với từ ngữ vừa tìm được.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

Thứ Tư, ngày 25 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT

Bài 13: U u U ư (Tiết 41,42)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS nhận biết và đọc đúng các âm *u, ư* ; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *u, ư* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- 95% HS viết đúng chữ *u, ư* và các tiếng, từ có chữ *u, ư*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm *u, ư* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm cây cối.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa trong SHS.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng, bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt, chữ mẫu.
- HS: Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- GV cho HS đọc: *ho, hé, hổ, li, lộ, lỗ; lá đỏ, cá hổ, bờ hồ, le le*.
- HS nhận xét.
- GV nhận xét.

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30')

a. Nhận biết âm

- HS quan sát tranh (phân nhận biết SHS trang 38), trả lời câu hỏi:
+ Em thấy những gì trong tranh?
- HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt lại, treo nội dung câu thuyết minh *Du đủ chín ngọt lừ*.
- GV đọc lại câu thuyết minh, kết hợp giới thiệu cho HS biết đu đủ là loại trái cây ăn rất tốt cho cơ thể đặc biệt là trẻ nhỏ như các em.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh câu thuyết minh.
- Cho HS quan sát rút ra âm mới học *u, ư*.

b. Luyện đọc

* Đọc âm

- GV đưa chữ *u* và giới thiệu để HS nhận biết chữ *u*. GV đọc mẫu.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- HS tìm trong bộ đồ dùng chữ *u* ghép vào bảng cài, sau đó đọc CN.

- GV nhận xét, chỉnh sửa cho học sinh.
- GV giới thiệu với HS chữ *U* cũng đọc là “*u*” ; vài HS đọc lại.
- GV đưa mẫu chữ *u* giới thiệu, đọc mẫu chữ.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- Cho HS so sánh *u* với *ư*.
- HS nêu điểm giống và khác nhau giữa *u* và *ư*.
- HS nhận xét, GV nhận xét.
- HS ghép chữ *ư* vào bảng cài, đọc cá nhân, đồng thanh.
- HS nhận xét, GV nhận xét.
- GV giới thiệu *Ư* cũng đọc là “*ư*” đây là *ư* in hoa.
- Vài HS đọc lại.

* Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
- + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu:

đ	u
đu	

l	ư
lừ	

- + Cho HS phân tích mô hình tiếng, sau đó đánh vần:
(*đờ - u - đu - hỏi - đủ*) ; (*lờ - ư - lư - huyền - lừ*).
- + HS đọc trơn tiếng vừa đánh vần(HS đọc cá nhân, đồng thanh).
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Đọc tiếng trong SHS
- . Đọc tiếng chứa âm *u*
- + GV lần lượt viết bảng *dù, đủ, hũ* yêu cầu HS tìm ra điểm chung của các tiếng.
- + HS trả lời, sau đó đánh vần tiếng.
- + HS đọc trơn các tiếng vừa đánh vần.
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS khi đọc.
- . Đọc tiếng chứa âm *ư*
- + GV lần lượt viết bảng : *cử, dự, lữ*
- + HS tìm điểm chung của các tiếng, sau đó đánh vần và đọc trơn các tiếng.
- + HS đọc lại tất cả các tiếng (cá nhân, đồng thanh).
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
- + HS ghép chữ *u, ư* với các chữ và dấu thanh đã học thành những tiếng mới, sau
- + HS đọc cá nhân, đồng thanh các tiếng vừa ghép.
- + HS nhận xét.
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

* Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *dù, đu đủ, hổ dữ*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, GV yêu cầu học sinh nói tên sự vật trong tranh. GV viết lên bảng những từ chỉ đúng tên sự vật: *dù, đu đủ, hổ dữ*

- HS tìm và đánh vần tiếng có âm vừa học.
- HS đánh vần tiếng có âm vừa học, đọc trơn từng từ.
- HS nhận xét bạn đọc.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.
- HS đọc đồng thanh tất cả các từ trên bảng.

*** Đọc lại các tiếng, từ ngữ.**

*** Đọc câu ứng dụng**

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm cả đoạn và tìm tiếng có chứa *u, ư*.
- Cho HS đánh vần tiếng có chứa *u, ư*.
- HS đọc câu *Cá hổ là cá dữ*.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.
- GV hỏi: Con cá trong hình là cá gì ? Cá hổ là cá thế nào ?
- HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, chốt lại câu trả lời của HS .

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (2 - 3')

- Vận động theo nhạc.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành(27 – 28')

a. Viết bảng

- Viết chữ *u*:
 - + GV treo bảng phụ đã viết sẵn chữ *u* .
 - + GV giới thiệu cấu tạo *u*, HS lắng nghe.
 - + GV viết mẫu trên bảng lớp, vừa viết vừa nêu quy trình, HS vừa theo dõi.
 - + HS tập viết nét trên không để định hình cách viết.
 - + HS viết chữ *u* thường (cỡ vừa) vào bảng con, GV theo dõi, hỗ trợ HS khi viết.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa chữ viết của HS.
- Viết chữ *ư*.
 - + GV viết mẫu *ư* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết.
 - + HS viết vào bảng con.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét.
 - + HS viết *ư* vào bảng. GV quan sát chỉnh sửa cho HS khi viết.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Viết từ ngữ
 - + Yêu cầu HS lần lượt phân tích tiếng *dù*, từ *hổ dữ*
 - + GV nhận xét, viết mẫu kết hợp hướng dẫn quy trình viết.
 - + Cho HS viết vào bảng con, GV theo dõi, chỉnh sửa chữ viết, tư thế ngồi và cách cầm phần của HS.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

+ Cho HS đọc lại từ vừa viết.

b. Viết vở

- HS tô chữ *u, ư* viết *dù, hồ dừ* vào vở Tập viết 1, tập một.

- GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, viết chưa đúng quy trình, ngồi viết hoặc cầm bút chưa đúng tư thế.

- HS nhận xét bài viết của bạn.

- GV nhận xét và sửa bài cho một số HS.

c. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt câu hỏi :

+ Các em nhìn thấy trong tranh có những ai ?

+ Những người ấy đang ở đâu ?

+ Họ đang làm gì ?

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi của GV. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, chốt lại nội dung tranh: trong tranh có Hà, Nam, các bạn và chị sao đỏ. Các bạn đang sinh hoạt sao trong sân trường. GV giải thích thêm về sinh hoạt sao.

- Cho HS chia nhóm đóng vai: chị sao đỏ, Nam VD : chị sao đỏ hỏi “ Em tên là gì ? Em mấy tuổi ?”. Nam trả lời (HS tự đóng vai Nam giới thiệu về bản thân mình).

- Cho đại diện nhóm lên đóng vai. HS nhận xét.

- GV nhận xét phần trình diễn của HS(khả năng diễn đạt, cách hỏi người khác, cách giới thiệu bản thân mình với người lớn).

3.Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7’)

- HS tìm tiếng có chứa âm **u, ư**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾNG VIỆT

Bài 13: Ch ch Kh kh (Tiết 43,44)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS nhận biết và đọc đúng các âm **ch, kh.**; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm **ch, kh.**; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- 95% HS viết đúng chữ *ch, kh* và các tiếng, từ có chữ **ch, kh.**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm **ch, kh** có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm **Cá cảnh**
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết một số loài vật và món ăn gần gũi, quen thuộc như : khỉ, cá, cá kho.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + File bài giảng.
+ Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt. Chữ mẫu

- HS: + Bộ đồ dùng học Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

TIẾT 1

1. Hoạt động Khởi động (4 -5’)

- GV cho HS đọc: *u, ư, cử, lữ, đủ, dù, hổ dữ, đu đủ, các hổ là cá dữ.*
- HS nhận xét.
- GV nhận xét, nêu yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30’)

a. Nhận biết

- HS quan sát tranh (phần nhận biết SHS trang 40).
- GV hỏi:
 - + Trong tranh có mấy chú khỉ ?
 - + Mấy chú khỉ đó đang làm gì ?
- HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt lại, treo nội dung câu thuyết minh **Có 3 chú khỉ đang ăn chuối.**
- GV đọc lại câu thuyết minh.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh câu thuyết minh.
- Cho HS quan sát rút ra âm mới học **ch, kh.**

b. Luyện đọc

- Đọc âm **ch**
 - + GV đưa chữ **ch** và giới thiệu để HS nhận biết chữ **ch** GV đọc mẫu.
 - + HS đọc cá nhân, đồng thanh.
 - + Cho HS phân tích **ch**(**ch** gồm *c* và *h*; *c* đứng trước, *h* đứng sau).
 - + GV nhận xét và phân tích lại nhằm hỗ trợ thêm cho những HS còn hạn chế trong lớp.
 - + Cho HS ghép chữ **ch** vào bảng cài. HS nhận xét bạn.

- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho học sinh.
- Đọc âm **kh**
 - + GV giới thiệu với HS chữ *kh*, hướng dẫn HS phát âm.
 - + HS đọc cá nhân, đồng thanh.
 - + GV chỉnh sửa cho HS.
 - + HS phân tích *kh* (*kh* gồm *k* và *h*; *k* đứng trước, *h* đứng sau)..
 - + Cho HS so sánh *ch* với *kh* (giống đều có âm cuối *h*, khác nhau âm *ch* bắt đầu bằng *c*, âm *kh* bắt đầu bằng *k*).
 - + HS ghép chữ *kh* vào bảng cài, đọc cá nhân, đồng thanh.
 - + HS nhận xét, GV nhận xét.
 - + GV giới thiệu *ch*, *kh* in hoa, sau đó cho HS đọc lại.

* Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu:

ch	ú
chú	

kh	ỉ
khỉ	

- + Cho HS phân tích mô hình tiếng chú: gồm *ch* + *u* + *thanh sắc*, sau đó đánh vần: *chờ - u - chu - sắc - chú*, đọc trơn **chú**.

- + HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.
- + Tiếng hành tương tự với tiếng *khỉ*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - . Đọc tiếng chứa âm *ch*
 - + GV lần lượt viết bảng *chè, chỉ, chợ* yêu cầu HS tìm ra điểm chung của các tiếng.
 - + HS trả lời, sau đó đánh vần tiếng.
 - + HS đọc trơn các tiếng vừa đánh vần.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS khi đọc.
 - . Đọc tiếng chứa âm *kh*
 - + GV lần lượt viết bảng : , *khế, kho, khô*
 - + HS tìm điểm chung của các tiếng, sau đó đánh vần và đọc trơn các tiếng.
 - + HS đọc lại tất cả các tiếng.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Ghép chữ tạo tiếng
 - + HS ghép chữ *ch, kh* với các chữ và dấu thanh đã học thành những tiếng mới, sau
 - + HS đọc cá nhân, đồng thanh các tiếng vừa ghép.
 - + HS nhận xét.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

* Đọc từ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *lá khô, chú khỉ, chợ cá*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, GV yêu cầu học sinh nói tên sự vật trong tranh. GV viết lên bảng những từ chỉ đúng tên sự vật: *lá khô, chú khỉ, chợ cá*.

- HS tìm và đánh vần tiếng có âm vừa học.
- HS đánh vần tiếng có âm vừa học, đọc trơn từng từ.
- HS nhận xét bạn đọc.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.
- HS đọc đồng thanh tất cả các từ trên bảng.

*** Đọc lại tiếng, từ**

*** Đọc câu ứng dụng**

- HS đọc thầm câu *Chị có cá kho khế*; tìm các tiếng có chứa *ch, kh*.
- Cho HS đánh vần tiếng có chứa *ch, kh*.
- HS đọc câu trơn cả câu *Chị có cá kho khế*.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS, giới thiệu cho HS biết về món cá kho khế.
- GV hỏi: Chị có gì?
- HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét.
- GV nhận xét, chốt lại câu trả lời của HS *Chị có cá kho khế*.

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (2 – 3')

- Vận động theo nhạc

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (23 – 24')

a. Viết bảng

- Viết chữ *ch*
 - + GV treo bảng phụ đã viết sẵn chữ *ch*.
 - + GV giới thiệu cấu tạo *ch*, HS lắng nghe.
 - + GV viết mẫu trên bảng lớp, vừa viết vừa nêu quy trình, HS vừa theo dõi.
 - + HS tập viết nét trên không để định hình cách viết.
 - + HS viết chữ *ch* thường (cỡ vừa) vào bảng con, GV theo dõi, hỗ trợ HS khi viết, lưu ý học sinh nét nối từ *c* sang *h* và nét kết thúc của *h*.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn.
 - + GV nhận xét, chỉnh sửa chữ viết của HS.
- Viết chữ *kh*
 - + GV viết mẫu *kh* vừa viết vừa hướng dẫn quy trình viết.
 - + HS viết vào bảng con.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn. GV nhận xét.
 - + HS viết *kh* vào bảng, GV quan sát chỉnh sửa cho HS khi viết.
 - + HS nhận xét chữ viết của bạn, GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.
- Viết từ ngữ
 - + Yêu cầu HS lần lượt phân tích từ *chú khỉ*.
 - + GV nhận xét, viết mẫu kết hợp hướng dẫn quy trình viết.
 - + Cho HS viết vào bảng con, GV theo dõi, chỉnh sửa chữ viết, tư thế ngồi và cách cầm bút của HS. GV lưu ý HS khoảng cách giữa 2 tiếng bằng 1 con chữ *o*.

- + HS nhận xét chữ viết của bạn.
- + GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

b. Viết vở

- HS tô chữ *ch, kh* viết từ *chú khi* vào vở Tập viết 1, tập một.
- GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, viết chưa đúng quy trình, ngồi viết hoặc cầm bút chưa đúng tư thế.
- HS nhận xét bài viết của bạn.
- GV nhận xét và sửa bài cho một số HS.

c. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS, GV lần lượt đặt câu hỏi:
 - + Em thấy gì trong tranh ?
 - + Theo em, cá cảnh và cá làm thức ăn có gì khác nhau ?
 - + Em có thích nuôi cá cảnh không ?
 - + Vì sao?
 - + Em hãy kể tên một số loài cá mà em biết.
- HS quan sát tranh và trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt lại nội dung tranh và HS nêu ích lợi của việc nuôi cá: cá cảnh nuôi để làm cảnh, ăn bọ gậy, cá làm thức ăn rất tốt cho cơ thể đặc biệt là tuổi nhỏ như các em, nuôi cá có ích như thế nên chúng ta cần phải chăm sóc và bảo vệ các loài cá.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7’)

- HS tìm tiếng có chứa âm **ch, kh**. Phân tích tiếng vừa tìm và đặt câu
- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

Thứ Năm, ngày 26 tháng 9 năm 2024

TOÁN**Bài 4 : SO SÁNH SỐ (TIẾT 2)**

Bé hơn, dấu <

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc ,viết, sử dụng được dấu < khi so sánh 2 số.
- So sánh được các số trong phạm vi 10
- Biết tìm ra nhóm sự vật có số lượng ít nhất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng, Bộ đồ dùng dạy Toán 1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)**

- Tổ chức trò chơi xem ai nhanh mắt hơn tìm những vật ít hơn
- Giới thiệu bài học. Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

2. Hoạt động Khám phá (7 – 10')

- Với hình minh họa bằng chim chào mào, GV cho HS đếm số chim
- GV hỏi xem bên nào có số chim ít hơn
- Sau đó kết luận số 2 bé hơn số 3" và hướng dẫn HS viết phép so sánh: $2 < 3$ (tương tự tiết học về dấu lớn hơn).
- Với hình minh họa bất kiến làm tương tự

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (12 – 13')

GV yêu cầu HS làm BT trong VTH Toán trangkết hợp chấm chữa bài cho HS.

Bài 1:

- GV nêu yêu cầu của bài.
- HD HS viết dấu $<$ vào vở
- GV cho HS viết bài

Bài 2:

- GV nêu yêu cầu của bài.
- GV hướng dẫn lần lượt cách thử để tìm ra đáp án đúng
- Gv nhận xét , kết luận

Bài 3:

- Nêu yêu cầu bài tập
- HD HS đếm số sự vật có trong hình
- Yêu cầu HS nêu số con trong ô vuông rồi nêu dấu bé hơn trong ô tròn ở giữa.
- GV nhận xét, kết luận

Bài 4:

- Nêu yêu cầu bài tập
- HD HS ghép thử
- GV theo dõi hướng dẫn HS thực hiện
- GV nhận xét, kết luận

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2– 3')

- Yêu cầu viết dấu bé hơn vào bảng con.
- Nhận xét
- GV tổng kết bài học.
- Nhận xét, dặn dò.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

ÔN LUYỆN ch kh**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- 100% HS biết và đọc đúng âm **ch, kh**.
- 100% HS viết đúng chữ **ch, kh**.
- Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.
- Phát triển kỹ năng quan sát nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua các tình huống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Vận động theo nhạc.
- HS viết bảng con chữ **ch, kh**.
- GV nhận xét, tuyên dương.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')

- GV yêu cầu HS mở vở BT Tiếng Việt trang

Bài 1: Nói

- GV nêu yêu cầu bài tập.
- GV hướng dẫn: Các em hãy nói bức tranh với tiếng là tên các đồ vật trong tranh cho sẵn trong vở.
- HS làm BT trong vở bài tập.
- GV nhận xét, chữa bài.

Bài 2: Điền kh hoặc ch

- GV nêu yêu cầu bài tập
- GV hướng dẫn HS làm bài.
- HS đọc các từ.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Điền kh hoặc ch

- Chị Kha cho Hà đi.....ợ.
- Bà có cáo khế.
- Cô Chio bé ô đồ.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

- Tìm tiếng, từ có âm kh, ch..
- Nhận xét, tuyên dương HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ
MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.
- Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Vận động theo nhạc.
- GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

2. Hoạt động Khám phá (8 – 10')*** Trò chơi kết bạn**

- HS chia thành các nhóm 6 đến 10 người.
- GV phổ biến luật chơi:
 - + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn.
 - + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quản trò sẽ nêu số lượng tùy thích, ví dụ : “Kết đôi, kết đôi”, “Kết ba, kết ba”. Ngay lập tức sau khi quản trò hô, các bạn HS trong nhóm sẽ chạy lại với nhau để thành các nhóm như quản trò yêu cầu. Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc.
 - Gv cho HS chơi trò chơi.
 - GV theo dõi, giúp đỡ HS
 - HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này:
 - + Em có vui khi tham gia trò chơi này không?
 - + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?
 - + Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì?
 - GV nhận xét và rút ra kết luận.

***GV kết luận:**

Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn.

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành*** Làm việc cả lớp:**

Cho HS quan sát các tranh trong SGK và trả lời một số câu hỏi:

- + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì?

*** Làm việc theo nhóm**

- HS ngồi các nhóm 2 hoặc 4 người.
- Cho các nhóm thảo luận theo các câu hỏi:
 - + Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?

- + Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?
- + Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?
- Cho HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến, GV nhận xét và rút ra kết luận.
- * Kết luận:

Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn; cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 3')

- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.
- Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về an toàn trường học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TOÁN TƯ DUY

SO SÁNH DUNG TÍCH (Tiết 7 + 8)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh hiểu được thế nào là dung tích, biết cách so sánh dung tích tương đối bằng cách quan sát, ước lượng.
- Hiểu thế nào là dung tích của một vật.
- So sánh dung tích của hai vật chứa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- File bài giảng, PBT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- Giáo viên chuẩn bị một số hộp sữa với thể tích thực khác nhau (loại 110ml, 180ml, 1l) và một số chai nước khoáng với thể tích thực khác nhau (loại 350ml, 500ml, 1l, 5l) đặt thành hàng ngang cho học sinh quan sát.
- Giáo viên lần lượt lấy hai hộp sữa bất kì có thể tích thực khác nhau và hỏi học sinh hộp sữa nào lớn hơn? Hộp sữa nào chứa nhiều sữa hơn?
- Giáo viên lần lượt lấy hai chai nước bất kì có thể tích thực khác nhau và hỏi học sinh chai nước nào lớn hơn? Chai nước nào chứa nhiều nước hơn? Chai nước nào chứa ít nước hơn?

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (56 – 58')

* Làm quen với “đầy” “đầy một nửa” và rỗng

- Giáo viên có thể đưa chai và cốc rỗng cho học sinh, nhờ học sinh lấy giúp cô 1 chai (cốc) nước đầy, 1 chai (cốc) nước đầy một nửa – hoặc một nửa chai (cốc) nước, thậm chí có thể đưa cốc và nhờ học sinh lấy cho cô 1 chai (cốc) không có nước.

- Ở hoạt động này cô có thể thay nước bằng nước màu hoặc các loại ngũ cốc nhỏ như gạo, hoặc đá nhỏ...

- Ví dụ để so sánh dung tích của chai nước và cốc nước, giáo viên có thể đổ đầy nước vào chai, để cốc rỗng. Rồi từ từ rót nước từ chai vào cốc, nếu cốc đã đầy mà chai vẫn còn nước thì chai có dung tích lớn hơn hay chai chứa được nhiều nước hơn cốc.

chỉ có thể đưa cốc và nhờ học sinh lấy cho cô 1 chai (cốc) không có nước.

- Giáo viên sử dụng 1 chai nước đầy – giới thiệu cho học sinh đây là “chai nước đầy”, 1 cốc nước đầy – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc nước đầy”.

+ 1 chai nước đầy một nửa – giới thiệu cho học sinh đây là “chai nước đầy một nửa”, 1 cốc nước đầy một nửa – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc nước đầy một nửa”.

+ 1 chai không có nước – giới thiệu cho học sinh đây là “chai rỗng”, 1 cốc nước không có nước – giới thiệu cho học sinh đây là “cốc rỗng”.

- Ứng dụng của nội dung học của tiết học này chính là để học sinh làm quen với việc ước lượng tương quan giữa vật chứa và đồ vật chứa trong đó. Ví dụ như chọn rổ/giỏ để đựng rau củ quả, chọn đĩa/bát đựng thức ăn, chọn túi/hộp để đựng đồ vật mua ở chợ, siêu thị hay để cất giữ, vận chuyển. Giáo viên có thể sử dụng vật thật, tạo các tình huống với chủ đề tương tự để học sinh hiểu được ý nghĩa thực tiễn của nội dung này.

- GV hướng dẫn học sinh làm bài, chữa bài, nhận xét, tuyên dương.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 – 7')

Trò chơi “Thi ai nói nhanh”:

- Cách chơi: GV sẽ là người nói tên đồ vật mà HS vừa đong bằng chén nhỏ, HS sẽ nói cho GV biết dung tích của các vật đó. Hoặc ngược lại, GV nói dung tích của các vật, HS hãy nói cho GV biết vật đó là vật nào

- GV nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

Thứ Sáu, ngày 27 tháng 9 năm 2024

TIẾNG VIỆT**Bài 10 : ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Tiết 45+46)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- 100% HS nắm vững cách đọc các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh* ; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm *i, k, l, h, u, ư, ch, kh* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát kĩ năng viết thông qua viết cụm từ chứa một số âm – chữ đã học.

-

Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Con Quạ thông minh* trả lời câu hỏi về nội dung câu chuyện được nghe và kể lại câu chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**TIẾT 1****1. Hoạt động Khởi động (4 – 5’)**

- Vận động theo nhạc.

- GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

2. Hoạt động Khám phá (27 – 30’)**a. Đọc tiếng, từ:**

- HS kể tên các âm đã được học trong tuần (*i, k, l, h, u, ư, ch, kh*).GV ghi bảng các âm HS vừa nêu.

- GV cho HS đọc lại các âm trên bảng.

- GV treo bảng ôn có ghi các chữ cần ghép như SHS.

- HS ghép âm đầu với nguyên âm để tạo thành tiếng mới.

- HS đọc tiếng vừa ghép, GV ghép từng dấu thanh đã học để tạo thành tiếng mới và đọc lại các tiếng vừa ghép được.

- Đọc từ ngữ: GV lần lượt treo lên bảng các từ ngữ *chú hề, chợ cá, che ô, lá khô, bờ hồ, cá dừ, lá hẹ*. HS tìm tiếng có chứa âm vừa ôn tập, đánh vần, sau đó đọc trơn từng từ.

- GV nhận xét, chỉnh sửa cách đọc cho HS.

b. Đọc câu

- GV lần lượt treo bảng câu ứng dụng *Chị cho bé cá cờ. Dì Kha cho Hà đi chợ.*

- HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có chứa các âm *i, ch, th, kh* .

- GV đọc mẫu, giải nghĩa từ *cá cờ*.

- HS tìm và nêu, đánh vần, sau đó đọc trơn tiếng, câu văn.

- Các HS khác nhận xét bạn.

- GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

- HS hỏi: *Chị cho bé cái gì ? Dì Kha cho Hà đi đâu ?*

- HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV chốt lại *Chị cho bé cá cờ. Dì Kha cho Hà đi chợ.*

c. Viết

- GV yêu cầu HS đọc cụm từ sắp viết.
- HS đọc cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết 1, tập một.
- HS thực hiện viết vào vở.
- GV quan sát, chỉnh sửa tư thế ngồi, cách cầm bút của HS khi viết.
- GV nhận xét, chỉnh sửa bài viết của HS (cách nối nét, khoảng cách giữa các tiếng, cách đặt vị trí dấu thanh).

TIẾT 2**1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')**

- Vận động theo nhạc.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (23 – 25')**a. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**

- GV cho HS quan sát tranh (SHS trang 43), nêu nội dung từng tranh.
- GV giới thiệu câu chuyện.
- GV kể toàn bộ câu chuyện lần 1
- GV kể từng đoạn câu chuyện lần 2, kết hợp đặt câu hỏi cho từng đoạn chuyện :
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến ở dưới gốc cây, GV hỏi HS : Quạ thấy gì ở dưới gốc cây?
 - + Đoạn 2: Từ Quạ sà xuống đất đến không thể tới được, GV hỏi HS : Quạ có uống được nước trong bình không ? vì sao ?
 - + Đoạn 3: Từ nhìn xung quanh đến gặp những viên sỏi khác thả vào bình . GV hỏi Quạ đã nghĩ ra điều gì ?
 - + Đoạn 4: Từ chẳng bao lâu đến hết, GV hỏi: Cuối cùng, quạ có uống được nước trong bình không ? Vì sao?
- HS thảo luận nhóm đôi, trả lời lần lượt từng câu hỏi của GV.
- Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

b. HS kể chuyện

- HS kể từng đoạn câu chuyện theo tranh và câu hỏi gợi ý của GV (4 HS kể, 2 lượt), 1HS kể toàn bộ câu chuyện.
- HS nhận xét, GV nhận xét, khen ngợi HS nhớ nội dung câu chuyện, kể hấp dẫn.
- Cho HS thi kể lại câu chuyện(2 HS).
- HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương HS kể tốt.
- GV hỏi HS: Nếu con quạ không nghĩ ra kế bỏ sỏi vào bình nó có uống được nước không? HS trả lời.
- GV nhận xét, giải thích thêm con quạ trong câu chuyện rất thông minh nó đã biết tự tìm cách để uống được nước mặc dù mỏ nó không thể thò được vào lọ. Liên hệ GD học sinh phải biết tự tìm cách giải quyết những tình huống khó khăn khi mình gặp phải.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm: (4 – 5')

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: Kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện *Con qua thông minh*.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TOÁN CÙNG CỘ

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Bước đầu biết quan sát, so sánh số lượng và sử dụng từ “lớn hơn” “bé hơn” “bằng nhau” khi so sánh, sử dụng dấu $>$ $<$ $=$ khi so sánh các số.
- Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập theo quan hệ lớn hơn, bé hơn và bằng nhau.
- HS: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, tham gia trò chơi, vận dụng, hoạt động nhóm.
- HS: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- HS vận động theo bài Pikachu
- GV dẫn dắt vào bài mới
- GV nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 – 27')

a. GV giao BT cho HS làm bài.

- HS chưa đạt chuẩn làm bài 16/ trang 17 Vở Chuyên đề các số trong phạm vi 10.
- HS đạt chuẩn làm bài 16, 17/ trang 17 Vở Chuyên đề các số trong phạm vi 10.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

b. Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 16: Số?**

- Cho HS quan sát

- GV yêu cầu học sinh so sánh và điền số thích hợp.

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

→ *Gv chốt so sánh các số trong phạm vi 10.*

*** Bài 17: Nối.**

- GV cho 2 HS lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 3 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án

→ *Gv chốt so sánh các số trong phạm vi 10.*

Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- Trò chơi “Ai nhanh hơn”

Tìm số lớn nhất, bé nhất:

- Khoanh tròn vào số lớn nhất: 10, 7, 2, 9, 1

- Khoanh tròn vào số bé nhất: 1, 8, 4, 6, 0

- Khoanh tròn vào số lớn nhất: 5, 0, 1, 8, 9

- Khoanh tròn vào số bé nhất: 9, 7, 4, 10, 2

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP TUẦN 4 (Tiết 35, 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- 100% HS biết nối tranh với các từ ngữ tương ứng - 80% HS biết điền âm **u, ư** tạo thành tiếng, từ.
 - 80% HS biết điền tiếng phù hợp nhất tạo thành câu.
 - 100% HS biết nối ghép các tiếng tạo thành từ có nghĩa.
- 70% HS viết đúng chữ **thứ tư, bé hà thi vẽ.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: + File bài giảng
- + Phiếu bài tập (Sách tham khảo: Hướng dẫn học Tiếng Việt quyển 1)
- + Giấy kiểm tra

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU: TIẾT 1

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5') HS

hát bài hát: Đường em đi

- GV dẫn vào bài

2. Hoạt động Luyện tập - Thực hành (23 – 25')

HS làm bài 1, 2, 3, 4 trong Phiếu bài tập Tiếng Việt. GV nhận xét kết hợp chấm chữa bài. Phiếu bài tập:

Bài 1. Nối:



cá nhụ

đủ đủ

ngủ khi

củ nghệ



Bài 2. Điền:

a) **u** hay **ư**?

th___ đồ

tu h___

n___ bí

ng___ khi

đ___ đủ

c___ nghệ

từ t___

do d___

b) **nhụ, củ** hay **ngủ**?

Dì Na có cá _____.

Bà có _____ nghệ để kho cá.

_____ bí đã ngủ.

Mẹ có _____ bí.

Bài 3. Gạch dưới tiếng có chứa âm u (theo mẫu):

như mé như dự đủ dù
bì củ xú cú nhũ củ

Bài 4. Nối ô chữ để tạo thành từ:

a)	<div>cá</div>	<div>đủ</div>	b)	<div>nụ</div>	<div>ngơ</div>
	<div>đu</div>	<div>chú</div>		<div>ngu</div>	<div>bí</div>
	<div>di</div>	<div>dự</div>		<div>cá</div>	<div>nhụ</div>
	<div>do</div>	<div>ngư</div>		<div>củ</div>	<div>nghe</div>

- HS làm bài trong vòng 30p.
- GV nhận xét, sửa bài.

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (2- 3')

- GV cùng HS khởi động 3 động tác thể dục cơ bản: vươn thở, tay, lườn

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (30 – 32')

- GV yêu cầu HS viết theo chữ mẫu trên bảng vào vở ô li. Viết hết trang vở.
- GV viết chữ mẫu: **thứ tư, bé hà thi vẽ.**
- HS viết bài vào vở ô li. GV quan sát, nhắc nhở HS viết bài cẩn thận, hạn chế tẩy xóa.
- GV thu bài và chấm, chữa bài.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (4 – 5') -

HS chơi trò chơi: Vòng xoay kỳ diệu

+ HS lên bảng xoay vòng xoay, mũi tên chỉ đến từ, câu nào HS đọc to từ, câu trước lớp.

- GV nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có)

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

CHỦ ĐỀ 4: NGHỀ DỆT CHIẾU CÓI NGA SƠN (Tiết 3, 4) I.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 100% HS biết được Nga Sơn có nghề trồng cói và dệt chiếu nổi tiếng.
- 100% HS biết được các bước làm cói để dệt chiếu.
- Tự hào về các làng nghề của quê hương Thanh Hóa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: + file bài giảng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

- HS chơi trò chơi “Kết bạn”

+ *Luật chơi*: GV hô “Kết bạn, kết bạn” HS đáp “Kết mấy kết mấy?” GV nêu yêu cầu “Kết hai” hoặc “Kết ba” ... Nhiệm vụ của HS là nhanh tay bắt cặp với nhau theo yêu cầu của GV. Nhóm nào không kết bạn đủ theo yêu cầu sẽ bị loại. HS bị loại sẽ bị phạt múa hát 1 bài.

- GV nhận xét. Dẫn vào bài.

2. Hoạt động Khám phá (28 – 30’)

* Sinh hoạt cuối tuần

a. Nhận xét tuần 4

- GV yêu cầu các tổ trưởng báo cáo tình hình của tổ mình.:

+ *Đi học chuyên cần*: + *Tác phong*, *đồng phục*. + *Chuẩn bị bài*, *đồ dùng học tập* + *Vệ sinh*.

+ GV nhận xét qua 1 tuần học:

* *Tuyên dương*:

- GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.
- GV tặng thư khen, bút, tẩy cho HS đạt thành tích tốt trong tuần học.

* *Nhắc nhở*:

- GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.

b. Phương hướng tuần 5

- Duy trì nền nếp lớp học.
- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.

* GD ĐP

a. Nga Sơn có nghề trồng cói và dệt chiếu nổi tiếng từ lâu.



- HS quan sát video hình ảnh cây cói và trả lời câu hỏi:

+ Cây cói có hình dáng thế nào?

- GV nhận xét: Thân xanh mỡ, tròn thon từ gốc, nửa trên đến ngọn vuốt thành ba cạnh, búp hoa chụm chụm xanh. Rễ cây dẹt dẹt bám vào đất, kết thành khối, gió sóng không thể đánh bật. Thủy triều dâng, cây ngập chìm lút trong nước. Biển cạn, mênh mông phù sa và lấm tấm màu cây xanh. Cây mọc lẫn trong cỏ, trong sậy hoang.

- GV giới thiệu làng nghề dệt chiếu ở Nga Sơn.

+ Nói đến Thanh Hoá, không ai là không biết chiếu cói Nga Sơn, một sản phẩm nổi tiếng của vùng đất ven biển này, vật biểu trưng cho niềm hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau,... Chiếc chiếu nổi tiếng đã được lưu truyền qua bao đời, bao thế hệ trên khắp mọi miền của đất nước. Nó nổi tiếng đến mức đã đi vào câu ca dao, tục ngữ của người Việt Nam:

***Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông***

b. Các bước làm cói để dệt chiếu

- Thu hoạch cói
- Chẻ cói
- Phơi cói
- Nhuộm cói

c. Dệt chiếu cói.

- HS quan sát tranh trong SGK và nêu các bước để dệt chiếu.
- GV kết luận: Có 4 bước để dệt chiếu cói:
+ ***Dệt chiếu thủ công hoặc dệt chiếu bằng máy***
+ ***Hoàn thiện chiếu*** +
Cắt phần cói thừa + In màu.

TIẾT 2

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5') - HS chơi trò chơi “Kết bạn”

+ *Luật chơi:* GV hô “Kết bạn, kết bạn” HS đáp “Kết mấy kết mấy?” GV nêu yêu cầu “Kết hai” hoặc “Kết ba” ... Nhiệm vụ của HS là nhanh tay bắt cặp với nhau theo yêu cầu của GV. Nhóm nào không kết bạn đủ theo yêu cầu sẽ bị loại. HS bị loại sẽ bị phạt múa hát 1 bài. - GV nhận xét. Dẫn vào bài.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (8 – 10')

HS làm bài tập 1, 2, 3 trang 27 kết hợp chấm chữa bài cho HS.

a. Chọn các nguyên liệu chính để dệt chiếu cói

- HS đọc tên các nguyên liệu, thảo luận nhóm trong thời gian 2 phút. - Đại diện nhóm nói tên các nguyên liệu thích hợp.
- HS và GV nhận xét, kết luận: ***cói và sợi dây dầy***

b. Nói thứ tự các bước làm cói để dệt chiếu - HS nêu yêu cầu bài tập.

- GV gọi từng HS nêu thứ tự các bước làm cói
- GV kết hợp hướng dẫn và giải nghĩa sâu cho HS ghi nhớ.
- GV và HS nhận xét, kết luận, nhắc lại các bước làm cói để dệt chiếu:

+ *Thu hoạch cối* +

Chẻ cối + *Phơi cối*

+ *Nhuộm cối*

c. Chọn từ ngữ ở cột B phù hợp với cột A để được câu đúng.

- HS thảo luận nhóm đôi, làm vào PBT.
- Sau 2 phút, GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày.
- GV và HS nhận xét, kết luận

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (18 – 20')

a. Kể tên một số đồ dùng làm bằng cối

- HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh và nêu tên các đồ dùng làm bằng cối mà em biết.
- Đại diện 3 – 4 nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, bổ sung kết quả của các nhóm.
- GV kết luận: *Chiếu cối, dép cối, túi cối, vali cối, ...*
- GV hỏi thêm: “*Công dụng của các đồ vật này là gì?*”

b. Vẽ tranh về một trong những cảnh sau: Cảnh ruộng cối, thu hoạch cối, phơi cối, nhuộm cối.

- GV hướng dẫn HS chọn đề tài để vẽ.
- HS quan sát các bức tranh, nói về cảnh vật trong tranh. - GV hướng dẫn HS chọn lọc các chi tiết nổi bật để đưa vào tranh.
- HS thực hành vẽ tranh. - GV kết hợp hướng dẫn và gợi ý cho HS thể hiện được ý tưởng vào tranh. - GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (*Phụ lục điều chỉnh riêng nếu có*)

Ban giám hiệu

Khối trưởng

Giáo viên

Lê Công Thắng

Lưu Thị Thùy

Lưu Thị Thùy

